

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Bachelor program specification)
NGÀNH LUẬT**

*(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-DHĐT, ngày / /2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, tháng 01/2023

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
1. Thông tin về đơn vị đào tạo và cấp bằng	6
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo	6
3. Triết lý giáo dục: TRÁCH NHIỆM - CÔNG LÝ – HỘI NHẬP.....	6
4. Thời điểm phát hành chương trình đào tạo: ngày tháng năm 2022	6
5. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp	6
II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
1. Mục tiêu chung	7
2. Mục tiêu cụ thể	7
3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	7
III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
IV: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 134, trong đó:.....	11
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết.....	11
3. Ma trận các học phần hình thành năng lực	16
4. Đề cương chi tiết các học phần (xem Phụ lục I)	20
5. Điều kiện tốt nghiệp.....	20
V. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	22
1. Thông tin tuyển sinh	22
2. Điều kiện nhập học	22
VI. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO....Error! Bookmark not defined.	
VII. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP ...Error! Bookmark not defined.	
1. Phương pháp giảng dạy	Error! Bookmark not defined.
2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập	Error! Bookmark not defined.
VIII. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN HỖ TRỢ (xem Phụ lục II)Error! Bookmark not defined.	
IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU	Error! Bookmark not defined.
1. Cơ sở vật chất, công nghệ	Error! Bookmark not defined.

2. Học liệu..... Error! Bookmark not defined.

PHỤ LỤC I: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦNError! Bookmark not defined.

1. Tiếng Anh 1 Error! Bookmark not defined.

2. Tiếng Anh 2 Error! Bookmark not defined.

3. Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam .Error! Bookmark not defined.

4. Công tác quốc phòng, an ninh Error! Bookmark not defined.

5. Quân sự chung..... Error! Bookmark not defined.

6. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Error! Bookmark not defined.

7. Giáo dục thể chất 1 Error! Bookmark not defined.

8. Giáo dục thể chất 2 – Bơi..... Error! Bookmark not defined.

9. Bóng đá..... Error! Bookmark not defined.

10. Bóng chuyền Error! Bookmark not defined.

11. Cầu lông..... Error! Bookmark not defined.

12. Võ thuật Vovinam..... Error! Bookmark not defined.

13. Võ thuật Karatedo Error! Bookmark not defined.

14. Cờ vua..... Error! Bookmark not defined.

15. Bóng bàn..... Error! Bookmark not defined.

16. Bóng ném..... Error! Bookmark not defined.

17. Bóng rổ Error! Bookmark not defined.

18. Quần vợt..... Error! Bookmark not defined.

19. Đá cầu..... Error! Bookmark not defined.

20. Triết học Mác - Lênin Error! Bookmark not defined.

21. Nhập môn ngành luật Error! Bookmark not defined.

22. Kỹ năng nghề luật..... Error! Bookmark not defined.

23. Kinh tế chính trị Mác - Lênin Error! Bookmark not defined.

24. Tư tưởng Hồ Chí Minh Error! Bookmark not defined.

25. Chủ nghĩa xã hội khoa học..... Error! Bookmark not defined.

26. Tâm lý học đại cương..... Error! Bookmark not defined.

27. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Error! Bookmark not defined.

28. Quản trị học đại cương Error! Bookmark not defined.

29. Chính trị học..... Error! Bookmark not defined.

30. Tâm lý học tư pháp	Error! Bookmark not defined.
31. Kinh tế học đại cương	Error! Bookmark not defined.
32. Cơ sở văn hóa Việt Nam	Error! Bookmark not defined.
33. Logic học đại cương	Error! Bookmark not defined.
34. Lịch sử văn minh thế giới	Error! Bookmark not defined.
35. Xã hội học tư pháp.....	Error! Bookmark not defined.
36. Phương pháp nghiên cứu khoa học luật.....	Error! Bookmark not defined.
37. Lý luận nhà nước và pháp luật	Error! Bookmark not defined.
38. Luật Hộ tịch.....	Error! Bookmark not defined.
39. Luật Hiến pháp.....	Error! Bookmark not defined.
40. Luật Nhà ở.....	Error! Bookmark not defined.
41. Luật Dân sự 1	Error! Bookmark not defined.
42. Luật Hình sự 1	Error! Bookmark not defined.
43. Luật Hành chính.....	Error! Bookmark not defined.
44. Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	Error! Bookmark not defined.
45. Luật Chứng khoán.....	Error! Bookmark not defined.
46. Luật La Mã.....	Error! Bookmark not defined.
47. Luật Sở hữu trí tuệ	Error! Bookmark not defined.
48. Luật Dân sự 2	Error! Bookmark not defined.
49. Luật Hình sự 2	Error! Bookmark not defined.
50. Luật Thương mại 1	Error! Bookmark not defined.
51. Luật Thương mại 2	Error! Bookmark not defined.
52. Luật tài chính.....	Error! Bookmark not defined.
53. Luật Hôn nhân và Gia đình	Error! Bookmark not defined.
54. Luật Đất đai.....	Error! Bookmark not defined.
55. Luật Môi trường	Error! Bookmark not defined.
56. Công pháp quốc tế	Error! Bookmark not defined.
57. Tư pháp quốc tế.....	Error! Bookmark not defined.
58. Luật Tố tụng Hình sự	Error! Bookmark not defined.
59. Luật Tố tụng Dân sự.....	Error! Bookmark not defined.
60. Luật Lao động	Error! Bookmark not defined.
61. Luật Tố tụng hành chính	Error! Bookmark not defined.
62. Quyền con người.....	Error! Bookmark not defined.

63. Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh.....	Error! Bookmark not defined.
64. Tội phạm học	Error! Bookmark not defined.
65. Luật cạnh tranh	Error! Bookmark not defined.
66. Luật thi hành án dân sự.....	Error! Bookmark not defined.
67. Luật thi hành án hình sự.....	Error! Bookmark not defined.
68. Luật thương mại quốc tế.....	Error! Bookmark not defined.
69. Luật Kinh doanh bất động sản	Error! Bookmark not defined.
70. Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	Error! Bookmark not defined.
71. Kỹ năng giải quyết tranh chấp.....	Error! Bookmark not defined.
72. Xây dựng văn bản pháp luật.....	Error! Bookmark not defined.
73. Thực tế chuyên môn.....	Error! Bookmark not defined.
74. Thực hành nghề luật	Error! Bookmark not defined.
75. Thực tập tốt nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
76. Khóa luận tốt nghiệp	Error! Bookmark not defined.
77. Luật Đầu tư	Error! Bookmark not defined.
78. Luật phòng chống tham nhũng	Error! Bookmark not defined.
79. Luật Chuyển giao công nghệ.....	Error! Bookmark not defined.
PHỤ LỤC II: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN HỖ TRỢ.....	Error!
Bookmark not defined.	
1. Đội ngũ giảng viên	Error! Bookmark not defined.
2. Nhân viên hỗ trợ.....	Error! Bookmark not defined.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành: Luật

Tiếng Việt: Luật

Tiếng Anh: Law

- Mã số ngành đào tạo: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Luật
- Thông tin về kiểm định chất lượng:

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo Luật (trình độ đại học) – Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; Chương trình đào tạo Luật (trình độ đại học) – Trường Đại học Luật Hà Nội; Chương trình đào tạo Luật (trình độ đại học) – Trường Đại học Luật Huế; Chương trình đào tạo Luật (trình độ đại học) – Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh; Chương trình đào tạo Luật (trình độ đại học) – Trường Đại học Cần Thơ; Chương trình đào tạo Luật (trình độ đại học) – Trường Đại học Trà Vinh.

3. Triết lý giáo dục: TRÁCH NHIỆM - CÔNG LÝ – HỘI NHẬP

- *Trách nhiệm*: Chương trình đào tạo hướng việc hình thành ở người học ý thức trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp và cuộc sống, hài hoà giữa lợi ích, trách nhiệm của cá nhân với lợi ích, trách nhiệm của cộng đồng.

- *Công lý*: Chương trình đào tạo hướng tới hình thành năng lực tư duy pháp lý trên nền tảng chuẩn mực đạo đức, tôn trọng tính hợp lý, thượng tôn pháp luật, lẽ phải và sự công bằng.

- *Hội nhập*: Chương trình đào tạo hướng người học có năng lực tiếp cận tri thức và khả năng thích ứng để hội nhập với môi trường việc làm năng động trong nước và quốc tế; được xây dựng, cập nhật, bổ sung, sửa đổi thường xuyên trên cơ sở đối sánh các chương trình đào tạo có uy tín, yêu cầu của thị trường lao động; chú trọng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, các kỹ năng và tiếp cận cộng đồng.

4. Thời điểm phát hành chương trình đào tạo: ngày tháng năm 2022

5. Nơi phát hành: Trường Đại học Đồng Tháp

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, phù hợp với chuẩn mực chung của xã hội và đạo đức nghề luật. Đồng thời, người học có những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về pháp luật, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội liên quan đến lĩnh vực pháp luật. Người học có định hướng chuyên sâu và rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp, giải quyết được các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường làm việc và xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Người học có sức khỏe, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh, năng lực ngoại ngữ và năng lực sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

2.2. Vận dụng thành thạo những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về khoa học pháp lý thuộc lĩnh vực được đào tạo vào hoạt động nghề nghiệp.

2.3. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết một cách độc lập những vụ việc pháp lý. Có năng lực tư duy phản biện các vấn đề xã hội và pháp luật.

2.4. Tự cập nhật, nghiên cứu, kiến tạo được những vấn đề pháp lý mới phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội.

2.5. Có năng lực học tập nâng cao trình độ các chuyên ngành thuộc về khoa học pháp lý, năng lực tham gia bồi dưỡng các chức danh nghề luật.

2.6. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự học, thích ứng nhanh và làm việc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2.7. Có ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội trong thực thi và bảo vệ công lý.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Luật của Trường Đại học Đồng Tháp, đảm nhiệm được các vị trí làm việc tại các cơ quan, tổ chức sau:

- Làm việc tại các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, công ty, tổ chức tín dụng,...), công ty/văn phòng luật, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương mại trong và ngoài nước, công ty thừa phát lại.

- Làm việc tại các cơ quan nhà nước như: UBND, HĐND, các sở, phòng và tương đương, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị-xã hội.

- Tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành luật tại các cơ sở đào tạo ngành luật và một số môn học khác thuộc lĩnh vực tại các cơ sở giáo dục đào tạo; tham gia nghiên cứu khoa học chuyên sâu tại các cơ quan xây dựng pháp luật, thực hành pháp luật, các cơ sở đào tạo đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu.

- Làm việc tại các tổ chức phi Chính phủ, liên Chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế khác.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA	Đánh giá mức độ năng lực
1. Kiến thức	
1.1. Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị vào khoa học pháp lý, tạo nền tảng tiếp thu, xây dựng khối kiến thức cơ sở ngành để nhận thức, giải quyết và thực hiện phù hợp với chuẩn mực xã hội, quy định pháp luật trong học tập và nghề nghiệp.	3
1.2. Vận dụng kiến thức an ninh, quốc phòng, ngoại ngữ, tin học để thực hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	3
1.3. Vận dụng kiến thức lý luận về lịch sử nhà nước và pháp luật, học thuyết pháp lý, hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự, thương mại, phương pháp nghiên cứu khoa học luật để phát hiện, tổ chức và giải quyết các vấn đề pháp lý phục vụ trong quá trình học tập và hoạt động nghề nghiệp.	3
1.4. Đánh giá, lý giải các vấn đề pháp lý chuyên sâu trong từng lĩnh vực pháp luật và đề xuất các phương án giải quyết phù hợp với định hướng nghề nghiệp.	5
1.5. Phân tích, liên hệ các vấn đề pháp lý thuộc kiến thức nghiệp vụ nghề luật vào hoạt động nghề nghiệp.	4
2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức	
<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
2.1. Thao tác hiệu quả việc tìm kiếm, sử dụng các nguồn tư liệu, thông tin về các lĩnh vực pháp luật phục vụ học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp.	2
2.2. Chuẩn xác và làm chủ trong tổng hợp, phân tích, đánh giá các vấn đề khoa học pháp lý vào học tập và hoạt động nghề nghiệp.	3
2.3. Thành thạo và làm chủ trong sử dụng kiến thức về khoa học pháp lý vào học tập và hoạt động nghề nghiệp.	4
2.4. Thành thạo, phối hợp hiệu quả trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với hoạt động nghề nghiệp.	4
<i>Kỹ năng mềm</i>	
2.5. Chuẩn xác và làm chủ trong việc sử dụng thuật ngữ pháp lý vào học tập và hoạt động nghề nghiệp; tạo dựng môi trường học tập và	3

làm việc khoa học, dân chủ, an toàn, thân thiện, hợp tác và nhân văn; dẫn dắt, khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân và người khác.	
2.6. Thành thạo, làm chủ trong làm việc độc lập và phối hợp tốt trong làm việc nhóm, hợp tác, giao tiếp; trong phản biện, quản lý thời gian, quản lý cảm xúc, thực hiện kế hoạch cá nhân, tự học, tự nghiên cứu và thích ứng với sự thay đổi của môi trường học tập, nghề nghiệp.	4
<i>Phẩm chất đạo đức</i>	
2.7. Bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý trong hoạt động nghề nghiệp.	4
2.8. Thể hiện được tình yêu quê hương, đất nước, nghề nghiệp; điều chỉnh lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc tốt đẹp dân tộc và thời đại.	5
3. Mức tự chủ và trách nhiệm	
3.1. Xây dựng, tổ chức được việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong công việc; tổ chức làm việc độc lập, phối hợp hiệu quả làm việc nhóm, thích ứng tốt với môi trường sống.	4
3.2. Thực hiện được việc tự định hướng, tự lập kế hoạch, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm trong thực hiện các kế hoạch cá nhân và tập thể.	5

IV: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 134, trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: Bắt buộc: 34 TC
Tự chọn: 5 TC
- Khối kiến thức chuyên nghiệp:
 - + Cơ sở nhóm ngành: 10 TC
 - + Cơ sở ngành: Bắt buộc: 15 TC
Tự chọn: 4 TC
 - + Chuyên ngành: Bắt buộc: 34 TC
Tự chọn: 4 TC
- Kiến thức bổ trợ: 6 TC
- Thực hành, thực tập nghề nghiệp: 16 TC
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 6 TC

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP	Tên Học Phần	Số TC	Giờ Tín Chỉ		Học Phần Điều Kiện			Tiến Độ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			39						
I. Ngoại ngữ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11						
	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1

2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			20						
1. Học phần đại cương bắt buộc			16						
1	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45	0				1
2	LA4500	Nhập môn ngành luật	1	13	2				1
3	LA4002	Kỹ năng nghề luật	2	30	0				2
4	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0		GE4091		2
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GE4092		3
7	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30	0				1
8	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GE4093		4
2. Học phần đại cương tự chọn			4						
1	LA4001	Quản trị học đại cương	2	30	0				2
2	PO4000	Chính trị học	2	30	0				2
3	LA4013	Tâm lý học tư pháp	2	30	0				3

4	GE4323	Kinh tế học đại cương	2	30	0				3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			95						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			10						
1	GE4003	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0				1
2	GE4028	Logic học đại cương	2	30	0				1
3	PR4131	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0				4
4	LA4011	Xã hội học tư pháp	2	30	0		GE4045		2
5	LA4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	30	0				2
II. Kiến thức cơ sở ngành			19	315	0				
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			15	255	0				
1	LA4003	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	45	0				1
2		Luật Hộ tịch	2	30	0				4
3		Luật Hiến pháp	2	30	0				2
4		Luật Nhà ở	2	30	0				7
5	LA4007	Luật Dân sự 1	2	30	0				3
6	LA4008	Luật Hình sự 1	2	30	0				3
7		Luật Hành chính	2	30	0				3
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			4	60	0				
1	LA4010	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý	2	30	0				4
2		Luật Chứng khoán	2	30	0				5
3	LA4012	Luật La Mã	2	30	0				4
4		Luật Sở hữu trí tuệ	2	30	0				5
III. Kiến thức chuyên ngành			38						
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			34						
1		Luật Dân sự 2	2	30	0				4
2	LA4015	Luật Hình sự 2	3	45	0				4
3	LA4016	Luật Thương mại 1	2	30	0				4

4	LA4017	Luật Thương mại 2	2	30	0				5
5	LA4018	Luật Tài chính	3	45	0				6
6	LA4019	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	30	0				5
7	LA4020	Luật Đất đai	2	30	0				6
8	LA4021	Luật Môi trường	2	30	0				6
9	LA4022	Công pháp quốc tế	2	30	0				6
10	LA4023	Tư pháp quốc tế	3	45	0				7
11	LA4024	Luật Tổ tụng Hình sự	2	30	0				7
12	LA4025	Luật Tổ tụng Dân sự	2	30	0				7
13		Luật Lao động	2	30	0				5
14		Luật Tổ tụng hành chính	2	30	0				5
15	LA4028	Quyền con người	2	30	0				7
16	LA4029	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	2	30	0				5
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			4						
1	LA4030	Tội phạm học	2	30	0				6
2	LA4031	Luật Cạnh tranh	2	30	0				6
3	LA4032	Luật Thi hành án dân sự	2	30	0				6
4	LA4033	Luật Thi hành án hình sự	2	30	0				7
5	LA4034	Luật Thương mại quốc tế	2	30	0				7
6		Luật Kinh doanh bất động sản	2	30	0				7
IV. Kiến thức bổ trợ			6						
1	LA4035	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	30	0				6
2		Kỹ năng giải quyết tranh chấp	2	30	0				6
3	LA4038	Xây dựng văn bản pháp luật	2	30	0				7
V. Thực hành thực tập nghề nghiệp			16						
1	LA4401	Thực tế chuyên môn	2	0	30				5

2		Thực hành nghề luật	6	0	90				7
3	LA4407	Thực tập tốt nghiệp	8	0	240				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế			6						
1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
1	LA4299	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180				8
2. Học phần thay thế khóa luận			6						
1		Luật Đầu tư	2	30	0				8
2		Luật Phòng, chống tham nhũng	2	30	0				8
3		Luật Chuyển giao công nghệ	2	30	0				8
Tổng số TCTL			134						

3. Ma trận các học phần hình thành năng lực

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm		
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	TC 1	TC 2	
I	Khối kiến thức đại cương																
1	Triết học Mác - Lênin	3		3			3					4	5		4	4	
2	Nhập môn ngành luật	3	3	3	5		2	3				4	4	5	4	5	
3	Kỹ năng nghề luật	3			5			3	4	4	3	4			4	5	
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3						3							4		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3							3			4			4	5	
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		3			3					4				4	
7	Tâm lý học đại cương	4					3					4				4	
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	3				3							4		5	
9	Quản trị học đại cương	3					2			4					4	5	
10	Chính trị học	4		3			2					4				5	
11	Tâm lý học tư pháp	3			5	4	2		4			4	4	5			
12	Kinh tế học đại cương	4			4		2					4			4	5	
II	Khối kiến thức																

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	TC 1	TC 2
	chuyên nghiệp															
II. 1	<i>Cơ sở nhóm ngành</i>															
1	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3						3		4				4	4	
2	Logic học đại cương	3		3			2					4			3	
3	Lịch sử văn minh thế giới	3	3				2							5	4	
4	Xã hội học tư pháp	3		3	5			3	4	4					4	5
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật			3	5	4	2	3		4		4	4	5	4	5
II. 2	<i>Cơ sở ngành</i>															
1	Lý luận nhà nước và pháp luật	3			5		2	3			3			5	4	
2	Luật Hộ tịch			3				3	4						4	5
3	Luật Hiến pháp	3			5		2	3				4		5	4	
4	Luật Nhà ở				5			3	4						4	5
5	Luật Dân sự 1				5	4				4		4				5
6	Luật Hình sự 1			4				3						4	3	4
7	Luật Hành chính				5					4					4	5
8	Lịch sử các học thuyết chính trị			4				3						4	3	4

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	TC 1	TC 2
	- pháp lý															
9	Luật Chứng khoán			3	5	4		3		4	3		4	5	4	5
10	Luật La Mã			3	5		2	3		4	3	4	4	5	4	5
11	Luật Sở hữu trí tuệ				5				4				4		5	5
II. 3	Chuyên ngành															
1	Luật Dân sự 2				5			3	4							5
2	Luật Hình sự 2			3	5		2	3				4		5		5
3	Luật Thương mại 1		3	3	5		2	3	4		3	4	4		4	5
4	Luật Thương mại 2	3			5	4	2	3		4	3	4	4		4	5
5	Luật Tài chính	3	3	3		4	2	3	4	4	3	4	4		4	5
6	Luật Hôn nhân và Gia đình			4				3						3	3	4
7	Luật Đất đai	3	3		5	4		3	4	4	3		4	5	4	5
8	Luật Môi trường			4					3					5	4	5
9	Công pháp quốc tế				5	4			4					5	4	5
10	Tư pháp quốc tế				5			3	4						4	5
11	Luật Tố tụng Hình sự			3		5	2		4			4	4			5
12	Luật Tố tụng Dân sự			3		4	2		4			4	4			5

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	TC 1	TC 2
13	Luật Lao động				5			3	4						4	5
14	Luật Tổ tụng hành chính				5				4						4	5
15	Quyền con người	3				4	2		4		3			5	4	
16	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	3		3	5		2					4		5	4	
17	Tội phạm học			3	5		2					4		5	4	
18	Luật cạnh tranh			3	5	4		3		4	3		4	5	4	5
19	Luật thi hành án dân sự				5			3	4						4	5
20	Luật thi hành án hình sự			4				3						3	3	4
21	Luật thương mại quốc tế		3	3	5	4	2	3	4		3	4	4		4	5
22	Luật kinh doanh Bất động sản			3	5	4		3		4	3		4	5	4	5
II. 4	Kiến thức bổ trợ															
1	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng			3	5	4	2	3		4	3	4		5	4	5
2	Kỹ năng giải quyết tranh chấp	3			5	4	2	3	4	4	3	4	4		4	5
3	Xây dựng văn bản pháp luật		3			4	2		4		3		4		4	

S T T	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức								Mức tự chủ và trách nhiệm	
		KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	TC 1	TC 2
II. 5	Thực hành, thực tập nghề nghiệp															
1	Thực tế chuyên môn	3					2							5	4	
2	Thực hành nghề luật			3	5	4		3	4	4	3	4	4	5	4	5
4	Thực tập tốt nghiệp	3	3		5	4		3	4	4		4	4			5
II. 6	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế															
1	Khóa luận tốt nghiệp															
2	Luật Đầu tư			3	5	4		3		4	3		4	5	4	5
3	Luật phòng, chống tham nhũng			3				3						5	4	5
4	Luật Chuyển giao công nghệ				5				4				4		5	5

4. Đề cương chi tiết các học phần (xem Phụ lục I)

5. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- 3.1. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;
- 3.2. Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- 3.3. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
- 3.4. Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh và giấy chứng nhận

Giáo dục thể chất;

3.5. Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;

3.6. Phải tham gia ít nhất 8 ngày công tác xã hội;

3.7. Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo để đề nghị được xét tốt nghiệp;

3.8. Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp vào tháng 2, tháng 6, tháng 8 và tháng 11. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách trình Hội đồng xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 7 và tháng 1.

V. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin tuyển sinh

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)
- Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
- Xét tuyển theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.